

Bản án số: 58/2020/DS-PT.

Ngày 29/6/2020.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: - Ông Nguyễn Hải Vinh.

- Bà Phạm Thị Minh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B: Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2020/TLPT-DS ngày 18/3/2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2019/DS-ST ngày 16/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐ-PT ngày 24/4/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2020/QĐ-PT ngày 14/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2020/QĐ-PT ngày 05/6/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Trần Minh X, sinh năm 1936. (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 115, đường Thánh Thiên, phường Lê L, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh X: Anh Trần Duy M (tên gọi khác: T), sinh năm 1968.

Nơi cư trú: số 158, đường Trần Đăng Tuyển, phường Thọ X, thành phố B, tỉnh B. (có mặt)

Theo văn bản ủy quyền ngày 29/8/2019.

*** Bị đơn:** Anh Trần Minh H, sinh năm 1972. (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 115, đường Thánh Thiên, phường Lê L, thành phố B, tỉnh B.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:**

- Ông Nguyễn Danh Huế, ông Nguyễn Hữu Toại - Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Hùng Đông - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (vắng mặt).

Địa chỉ: Phòng 301, nhà B, khách sạn thể thao, số 15 Lê Văn Thiêm, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. (vắng mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1942. (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 115, đường Thánh Thiên, phường Lê L, thành phố B, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh X: Anh Trần Duy M (tên gọi khác: T), sinh năm 1968

Nơi cư trú: số 158, đường Trần Đăng Tuyển, phường Thọ X, thành phố B, tỉnh B. (có mặt)

Theo văn bản ủy quyền ngày 29/8/2019.

- Văn Phòng công chứng Tân Th - Người đại diện theo pháp luật - Bà Nguyễn Thị Th - Trưởng văn phòng. (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 35, đường Ngô Gia Tự, phường Trần Phú, thành phố B, tỉnh B.

- Ủy ban nhân dân thành phố B

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T- Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường thành phố B. (xin xét xử vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Anh Trần Minh H - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, ông Trần Minh X trình bày:

Ông bà có tất cả 5 người con, 3 trai và 2 gái, hiện nay các con ông bà đã ở riêng, anh H ở cùng ông bà. Các con của ông bà không được ông bà cho tài sản gì mà tự lập, ông bà chỉ có tài sản là nhà, đất tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 06, diện tích 53m², cấp ngày 21/6/2019 tại địa chỉ: Tổ dân phố Dân chủ, phường Lê L, TP Bắc Giang, tỉnh B mang tên người sử dụng đất ông Trần Minh X, bà L nên việc ông bà bị anh H lừa ra phòng công chứng Tân Thành để làm các thủ tục tặng cho anh H quyền sử dụng đất, việc ông bà ký tặng cho một mình anh H là không đúng, nay ông bà yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên để ông bà có thể chia cho các con mỗi người một phần. 5 người con của ông bà đều vất vả và khó khăn nên tài sản không thể cho một mình anh H được. Do vậy, việc anh H tự ý và lừa ông bà ký hợp đồng công chứng như trên là không đúng ý chí và nguyện vọng của ông bà nên ông bà vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án xử hủy Hợp đồng công chứng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh H nêu trên, hiện nay hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đang ở một cửa Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B của Ủy ban nhân dân thành phố B, ông bà đề nghị trả lại hồ sơ cấp giấy và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho vợ chồng ông bà.

Anh H là con trai thứ 3 trong gia đình, anh H lấy vợ xong ở cùng vợ chồng ông bà, 10 năm qua anh H chỉ có công sức chăm sóc ông bà ngoài ra không có công sức gì trong việc xây mới nhà. Nhà ông bà xây dựng từ năm 1971 đến nay, không sửa chữa gì, nhưng năm 2015 có sửa chữa làm thêm nhà đằng sau mất khoảng gần 15.000.000đồng, số tiền này là do anh H bỏ ra sửa, còn toàn bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình là do anh T con trai lớn mua sắm cho ông bà. Những năm gần đây do tuổi già sức yếu, ông bà hay phải đi viện nên các con của ông bà đều có công sức chăm sóc nhưng việc ăn tiêu hàng ngày ông bà không cần ai cho mà ông bà dựa vào lương hưu của cả hai vợ chồng. Ông X được hơn 2.000.000đồng, bà L được hơn 1.000.000đồng nên chỉ khi ông bà phải đi viện thì các con ông bà mới phải tập trung cùng chăm sóc.

+ Tại bản tự khai và những lời khai tiếp theo bị đơn anh Trần Minh H trình bày:

Anh là con trai của ông X, bà L, bố mẹ anh có tất cả 5 người con, anh là con thứ trai thứ 3, tất cả anh chị em trong gia đình đều có nhà riêng ổn định, anh lấy vợ năm 2006. Sau khi kết hôn xong vợ chồng anh sống chung cùng bố mẹ và phụng dưỡng bố mẹ, vài năm gần đây bố mẹ anh tuổi cao sức yếu, vợ chồng anh phải chăm sóc ông bà rất nhiều, toàn bộ việc chăm sóc đa số vợ chồng anh phải chịu trách nhiệm.

Nhà đất hiện tại vợ chồng anh đang ở, bố mẹ anh xây dựng đã nhiều năm, hiện nay đã xuống cấp, bố mẹ anh xây từ năm nào anh cũng không nhớ, phần nhà đất bố mẹ anh xây dựng anh có sửa chữa thêm nhiều lần nhưng chỉ sửa chữa nhỏ, đến năm 2015 có sửa chữa làm thêm nhà đằng sau mất khoảng gần 30.000.000đồng, số tiền này là do anh tự bỏ ra sửa chữa. Đồ dùng sinh hoạt trong gia đình là do anh T con trai cả của ông bà mua sắm cho. Những năm gần đây do tuổi già sức yếu bố mẹ anh hay phải nằm viện nên các anh chị em cũng đều có công sức chăm sóc bố mẹ cùng với anh.

Trong thời gian bố mẹ anh ở nhà, ông bà có vay Ngân hàng chính sách số tiền nợ gốc là 120.000.000đồng, do ông bà không có tiền trả nợ cho Ngân hàng nên ông bà có nói với vợ chồng anh là thu xếp tiền trả cho Ngân hàng giúp ông bà, sau khi lấy giấy tờ về ông bà sẽ cho vợ chồng anh diện tích nhà đất nêu trên nên vợ chồng anh đã phải vay mượn nhiều nơi, vay anh em bạn bè để trả nợ thay cho ông bà và lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về cho ông bà.

Việc ông X bà L ra phòng công chứng ký tặng cho anh nhà đất trên là tự nguyện nhưng do ông bà bị các anh chị em là con của ông bà phản đối việc bố mẹ anh cho anh nhà đất trên nên anh đã bị ông bà khởi kiện. Anh không đồng ý với

việc ông bà đang có đơn đề nghị Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho anh

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh X, bà đề nghị Tòa án xem xét xử hủy Hợp đồng công chứng tặng cho quyền sử dụng đất được lập giữa vợ chồng ông bà với cho anh H.

Văn Phòng công chứng Tân Th do bà Nguyễn Thị Th - Trưởng văn phòng công chứng có quan điểm trình bày như sau: Ngày 29/7/2019 Văn phòng có công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất giữa bên tặng cho là ông Trần Minh X và bên nhận tặng cho là anh Trần Minh H. Thủ tục tặng cho là đảm bảo đúng quy định, tại thời điểm công chứng không có tổ chức cá nhân nào yêu cầu dừng giao dịch đối với thửa đất và các bên tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự ký tham gia ký hợp đồng. Việc ông X bà L yêu cầu Tòa án xử hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho anh H được lập tại văn phòng công chứng và cho rằng bị lừa dối khi ký Hợp đồng là không có căn cứ.

Ủy ban nhân dân thành phố B do ông Nguyễn Thanh T trình bày: Việc ông X làm thủ tục tặng cho con trai là anh H quyền sử dụng đất, về trình tự thủ tục sang tên do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B lập và quản lý, do vậy hồ sơ hiện tại đang ở Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố.

Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B do ông Nguyễn Quang Thành trình bày: Sau khi nhận được hồ sơ xin cấp giấy của gia đình ông X bà L, Văn phòng đã nhận được văn bản về việc tạm dừng làm các thủ tục sang tên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Trần Minh H đối với thửa đất và tài sản gắn liền với thửa đất tại số 115, đường Thánh Thiên, phường Lê L, TP Bắc Giang. Hiện nay văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân vẫn chưa làm các thủ tục thay đổi gì đối với thửa đất trên, hiện tại quyền sử dụng đất vẫn đang thuộc quyền quản lý, sở hữu của ông Trần Minh X và bà Trần Thị L. Ủy ban nhân dân thành phố B đang chờ quyết định của Tòa án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X với lý do: Việc ký Hợp đồng công chứng tặng cho quyền sử dụng đất đảm bảo đúng trình tự, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, đúng luật công chứng. Chủ thể ký hợp đồng tặng cho bảo đảm minh mẫn, không bị lừa dối, đe dọa... đúng quy định của pháp luật.

+ Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng các bên không thống nhất được với nhau.

Với nội dung nêu trên, bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2019/DS-ST ngày 16/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116; điểm c Điều 423; Điều 457; Điều 459 Bộ luật dân sự. Điều 95; Điều 167; Điều 188 Luật đất đai; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Minh X.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 29/7/2019 được lập giữa ông Trần Minh X bà Trần Thị L với anh Trần Minh H tại Văn Phòng công chứng Tân Th đối với thửa đất số 134, tờ bản đồ số 06, diện tích 53m², cấp ngày 21/6/2019 địa chỉ: Tổ dân phố Dân chủ, phường Lê L, TP Bắc Giang, tỉnh B mang tên người sử dụng đất ông Trần Minh X bà Đỗ Thị Luyến

Ông Trần Minh X được đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 262744 mang tên người sử dụng đất ông Trần Minh X bà Đỗ Thị Luyến đối với thửa đất số 134, tờ bản đồ số 06, diện tích 53m², cấp ngày 21/6/2019 tại địa chỉ: Tổ dân phố Dân chủ, phường Lê L, thành phố B, tỉnh B.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 26/12/2019, anh Trần Minh H là bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Có nhiều vi phạm tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, các nhận định, quyết định của Bản án sơ thẩm là hoàn toàn không có căn cứ, trái pháp luật.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, bị đơn là anh Trần Minh H đồng ý trả cho ông X, bà L số tiền 700.000.000đồng (Bảy trăm triệu đồng) và đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 29/7/2019 giữa ông X, bà L với anh Trần Minh H là có hiệu lực pháp luật. Anh xin chịu một nửa án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của ông X, bà L đồng ý với phương án hòa giải của bị đơn. Theo đó, ông X, bà L xin nhận 700.000.000đồng, không đề nghị hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và đồng ý tặng cho anh H toàn bộ đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 134, tờ bản đồ số 6, diện tích 53m², địa chỉ: Tổ dân phố Dân Chủ, phường Lê L, thành phố B, tỉnh B. Đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông X, bà L và anh H là có hiệu lực pháp luật. Ông X xin chịu một nửa án phí dân sự sơ thẩm. Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự.

Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự

kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử, không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Minh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm. Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông X, bà L và anh H là có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông X, bà L được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng Tân Th, Ủy ban nhân dân thành phố B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về quan hệ tranh chấp: Ông X yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho anh H, anh H không đồng ý hủy hợp đồng. Do vậy, đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 500 Bộ luật dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất” là chưa chính xác, cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của không đồng ý với việc bản án sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng tặng cho đất và tài sản gắn liền với đất của anh H. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về:

Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 29/7/2019 được lập giữa ông Trần Minh X bà Trần Thị L với anh Trần Minh H tại Văn Phòng công chứng Tân Th đối với thửa đất số 134, tờ bản đồ số 06, diện tích 53m², cấp ngày 21/6/2019 địa chỉ: Tổ dân phố Dân chủ, phường Lê L, thành phố B, tỉnh B mang tên người sử dụng đất ông Trần Minh X bà Đỗ Thị Luyến là có hiệu lực pháp luật.

Anh Trần Minh H trả cho ông Trần Minh X và bà Trần Thị L số tiền 700.000.000đồng.

Anh Trần Minh H được đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

Đại diện theo ủy quyền của ông X nhận chịu một nửa án phí dân sự sơ thẩm, anh H nhận chịu một nửa án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông X, bà L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Anh H chịu $\frac{1}{2}$ án phí đối với số tiền 700.000.000 đồng thỏa thuận trả cho ông X, bà L theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên anh H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án sơ thẩm:

- Căn cứ khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116; Điều 457; Điều 459 Bộ luật dân sự. Điều 95; Điều 167; Điều 188 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 29/7/2019 giữa ông Trần Minh X bà Trần Thị L với anh Trần Minh H tại Văn Phòng công chứng Tân Th đối với thửa đất số 134, tờ bản đồ số 06, diện tích 53m², cấp ngày 21/6/2019 địa chỉ: Tổ dân phố Dân chủ, phường Lê L, thành phố B, tỉnh B mang tên người sử dụng đất ông Trần Minh X bà Đỗ Thị Luyến là có hiệu lực pháp luật.

2. Anh Trần Minh H trả cho ông Trần Minh X và bà Trần Thị L số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Xác nhận anh Trần Minh H đã trả đủ cho ông Trần Minh X, bà Trần Thị L số tiền 700.000.000 đồng (theo biên bản giao nhận tiền ngày 29/6/2020).

3. Anh Trần Minh H được đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên.

4. Về án phí:

- Anh Trần Minh H phải chịu 16.000.000đồng án phí DSST.
- Miễn án phí dân sơ thẩm cho ông Trần Minh X và bà Trần Thị L.
- Anh Trần Minh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại anh số tiền 300.000đồng theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/0000824 ngày 30/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Vinh Phạm Thị Minh Hiền

Trần Thị Hà

Nơi nhận:

- TAND huyện Lục Ngạn;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

